

TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH TRONG BI KÝ HỌC

PHẠM NGỌC HƯỜNG*

Nghiên cứu văn bia hay bi ký học, ngoài sử dụng những phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản của Hán Nôm học ra, còn có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học của nhiều ngành khoa học khác, vì nội dung của văn bia phong phú, đa dạng, ghi chép về nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội. Việc chỉnh lý, nghiên cứu văn bia cần lựa chọn phương pháp nghiên cứu hiệu quả, nắm chắc tư liệu, tăng cường xây dựng lý luận khoa học có thể giúp nâng cao tính học thuật trong nghiên cứu và khai thác đầy đủ các giá trị của văn bia.

Từ khóa: văn bia, bi ký học, khoa học liên ngành, thạch khắc, nghiên cứu

Nhận bài ngày: 22/8/2016; đưa vào biên tập: 20/9/2016; phản biện: 18/10/2016; duyệt đăng: 5/2/2017

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ VỀ VĂN BIA

Văn bia là văn tự khắc trên chất liệu bằng đá, gỗ hoặc kim loại, chủ yếu trên chất liệu đá. Tùy theo từng giai đoạn phát triển mà bia có mục đích sử dụng khác nhau. Văn bia thường có nội dung chuyển tải phong phú, đa dạng, đề cập đến hầu hết các vấn đề trong đời sống xã hội.

Từ *văn bia* vốn bắt nguồn từ *bi văn* (碑文) của Trung Quốc. *Khang Hy tự điển* (康熙字典) mục *bi* (碑) giải thích: Theo *Thuyết văn giải tự* (说文解字) định nghĩa: “Bia có nghĩa là đá dựng đứng vậy (碑, 竖石也). Theo *Lễ ký tế văn* (礼记, 祭义), nhà vua dắt con vật được tế lễ vào cửa miếu buộc nó vào cái cọc bia của đình. Theo quy định về nghi lễ, sính lễ (仪礼, 聘礼) của Trung Quốc

trong cung phải có bia, để nhận biết được vận hành của âm dương qua ánh mặt trời (để biết thời gian). Trong tông miếu buộc vật tế vào bia để lấy lông và huyết. Về chất liệu chế tác bia, trong cung, miếu dùng chất liệu đá, khi mai táng dùng chất liệu gỗ” (Zhang Yushu, Chen Tingjing 1999: 760). Theo *Từ nguyên* (辞源), *bi văn* (碑文) là văn tự khắc trên bia đá (刻在石碑上的文字) (Lei Feihong 2000: 1.296); Theo định nghĩa của *Từ Hải* (辞海) thì *bi văn* 碑文 là văn tự trên bia đá (石碑上的文字) (Zhao Xiru 2000: 767).

Nhà phê bình lý luận văn học nổi tiếng Liu Xie (刘勰) (465-520) trong thiên 12 *Lục bi* (谏碑) tác phẩm *Văn tâm điều long* (文心雕龙) đã định nghĩa về bia: “碑者, 埤也。上古帝王, 纪号封禅, 树石埤岳, 故曰碑也。周穆纪迹于弇山之石, 亦古碑之意也” (Bia là vật phụ trợ cho các bậc đế vương thời cổ xưa ghi hiệu, phong

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

thiền (làm lễ cúng tế trời đất khi nhận mệnh trời), dựng đá ở trên núi cao (để tăng thêm sự uy nghi bề thế) nên gọi đó là bia). Vua Chu Mục (周穆王) lưu bút tích về hành trạng của mình trên đá núi Yểm Sơn cũng là ý chỉ bia vậy (Lưu Hiệp (刘勰) 1958: 23).

Theo *Từ điển Hán Việt*, Đào Duy Anh: Bi ký là bài ký khắc trên bia - Cái bia để kỷ niệm; theo Nguyễn Tôn Nhan trong *Từ điển văn học cổ điển Trung Quốc* mục *Bi chí* viết rằng: “*Bi chí* là tên thể văn cổ đại, là văn chương khắc trên bia đá với ý dùng bia ghi sự việc, thường kết hợp với *bi minh*. *Minh* vốn nguyên có ý khắc ghi, văn tự khắc trên đá hoặc kim loại gọi là *minh văn*. Sau này tất cả mọi người đều gọi bộ phận tản văn ở trước văn bia là *chí* còn bộ phận văn vần ở sau là *minh*, và gọi chung là *bi văn*” (Nguyễn Tôn Nhan 1999: 773); tác giả Nguyễn Kim Hưng trong *Từ điển văn học*, mục *bia* viết: “Một thể loại văn học quen thuộc ở phương Đông thời cổ, vốn dùng để ghi chép công đức, được khắc lên đồng, lên đá, lên gỗ nên thường ngắn gọn. Có thể dùng văn biền ngẫu, cũng có thể dùng tản văn hoặc phối hợp biền ngẫu với tản văn còn có kèm với một bài minh thường là bốn chữ. Nguồn gốc bia có từ rất xa xưa (bia đo bóng mặt trời, bia để buộc con vật trong lễ tế sinh, bia cắm mốc đưa quan tài) và tùy hình dáng của vật dùng làm bia mà có tên gọi khác: hình dài và vuông thì gọi là bia, hình tròn hoặc nửa tròn nửa vuông hoặc trên nhỏ

dưới to thì gọi là kiết” (Nguyễn Kim Hưng 1983: 121).

Trên thế giới, người ta dựng đá để đánh dấu, phân định ranh giới, hay để khắc ghi một sự kiện nào đó trên đá để lưu giữ vĩnh cửu, và gọi những phiến đá ấy là bia. Tiên Tần là thời kỳ mạnh mẽ, phát sinh của bia Trung Quốc. Trong thời kỳ này, ngoài ba loại bia là những phiến đá dựng nguyên thủy không có chữ (bia dựng trong cung để đo bóng nắng mặt trời xác định giờ giấc, bia dựng trong miếu để buộc vật tế và bia dùng để buộc dây hạ quan tài xuống huyệt mộ), thì do văn tự được sử dụng rộng rãi, việc chế tạo ra đồ đồng, các hoạt động xã hội ngày càng nhiều, làm nảy sinh việc khắc chữ trên bia, từ đó xuất hiện thêm nhiều loại không có hình dạng và cấu tạo giống như bia nguyên thủy và có khắc chữ, hay còn gọi là bia khắc (碑刻). Bia khắc có nhiều loại: loại đá có đầu tròn, trên nhỏ dưới to gọi là *kiết* (碣); đá dựng đứng hình chữ nhật gọi là thạch kinh (石徑); đá khắc trên vách núi gọi là ma nhai (摩崖) thạch khắc (石刻). Bia khắc (碑刻) và thạch khắc (石刻) ban đầu là hai thể loại khác nhau. Vào thời Tần, người ta quen gọi với tên thạch khắc (石刻). Các thạch khắc thời Tần đến nay phần lớn đã mất, nhưng nội dung khắc trên đá vẫn còn ký tái trong các điển tịch truyền lại, tuy văn từ trong mỗi bài bia không giống nhau, nhưng nội dung chủ yếu ca ngợi công đức của Tần Thủy Hoàng trong việc thống nhất Trung Quốc. Đến thời Hán trở về

sau, trên đá có khắc chữ đều gọi chung là bia khắc. Ye Changxi (叶昌炽) (1986: 78) đời Thanh trong *Ngữ thạch* (语石) đã nhận định: “凡刻石之文皆谓之碑, 当是汉以后始 (Phạm trên đá có khắc chữ đều gọi là bia, điều đó bắt đầu từ thời Hán trở về sau)”. Như vậy tức là bất kể loại đá nào, với các hình dạng cấu tạo khác nhau, cứ có chữ khắc bên trên đều được gọi là bia khắc. Bia khắc từ đời Hán về sau đến đời Thanh đã diễn tiến, phát triển mở rộng trong nhiều loại. Tùy theo mỗi giai đoạn, thời kỳ và việc ứng dụng văn bia trong một hoạt động hay sự kiện nào đó mà các tác giả soạn thuật hay phân loại khác nhau. Về cơ bản, bia khắc được phân loại thành: thạch khắc, bia đá, ma nhai, mộ chí, khắc kinh, tạo tượng ký, tháp minh, thạch khuyết minh, đề minh, đề ký trụ cầu, lan can cầu, đề ký nơi thành giếng, ký sự từ đường, mộ biệt (khắc trên đá, khế ước mua mộ địa chôn trong mộ), bia địa giới, đề chữ vẽ tượng, thiếp chữ thạch khắc... Nhìn chung, bia khắc là tên gọi chung cho tất cả đá khắc văn tự và đá điêu khắc hình vẽ nghệ thuật. Từ khi có bia đá, người ta dần dần không khắc ghi chiến tích, công trạng trên đồ đồng hay kim loại nữa, mà được thay thế bởi bia đá, vì quan niệm rằng nếu khắc ghi trên đá sẽ lưu truyền được mãi mãi. Hơn nữa, chất liệu đồng lúc đó tương đối hiếm lại quý nên không thể đáp ứng đủ nhu cầu, đồ đá lại rất phong phú, giá rẻ, chất liệu bền chắc, có thể lưu giữ tốt hơn so với đồ đồng, Tác giả Xu

Shizeng (徐师曾) thời Minh trong tác phẩm *Văn thể minh biện* (文体明辨) mục *bi văn* (碑文) đã chỉ ra: “Người đời sau ghi chép công đức của ông cha mình trên bia, việc ấy đã có từ lâu rồi, nhưng mà mô phỏng lại để khắc minh, tức là khắc các thể loại khác nhau trên bia thì từ đời Chu, đời Tần trở đi mới bắt đầu có, do đồ đồng bị thiếu và quý hiếm nên sau mới dùng đá để thay thế, đồng thời cũng là để lưu truyền mãi mãi” (dẫn theo Jin Qizhen (金其楨) 2001: 6).

Văn bia ra đời sớm nhất ở Việt Nam cho đến thời điểm hiện tại là văn bia được phát hiện ở nghề thờ Đào Hoàng, thôn Thanh Hoài, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tám văn bia cổ gồm hai mặt khắc hai bài văn có 2 niên đại và kiểu văn tự khác nhau. Mặt thứ nhất ghi niên đại “*Kiến Hưng nhị niên* (建興貳年)” (314) là niên hiệu của Tấn Mẫn Đế (313-316); Mặt thứ hai khắc “*Duy Tổng Nguyên Gia chấp thất niên, Thái tuế Canh Dần, thập nhị nguyệt Bính Thìn*” (năm 450), niên đại Tống Nguyên Gia (424-453). Qua khảo sát, số chữ còn lại ở cả hai mặt có khoảng gần 300 chữ. Mặt thứ nhất hiện còn khoảng 120 chữ, được viết theo phong cách lệ thư, mặt thứ hai còn khoảng 150 chữ, viết theo phong cách khải thư. Như vậy, đến nay văn bia ở Việt Nam đã có hơn 1700 năm lịch sử. Văn bia chủ yếu viết bằng chữ Hán, một số ít văn bia viết bằng chữ Nôm và chữ viết của các dân tộc khác. Sách nghiên cứu lịch sử đề cập đến văn bia ở Việt Nam

sớm nhất có thể kể đến bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* (大越史記全書) của Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV), trong đó ông đã ghi tóm lược nội dung bài *Khai Nghiêm tự bi ký* (開嚴寺碑記) của Trương Hán Siêu (?-1354) và *Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc tự bi ký* (北江沛村紹福寺碑記) của Lê Quát (thế kỷ XIV).

Trải qua mấy nghìn năm phát triển văn hóa, văn bia phân bố ở khắp nơi, hình thức đa dạng, số lượng cũng rất lớn, nội dung phong phú, đề cập đến nhiều mặt trong đời sống văn hóa, xã hội...

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU VĂN BIA

Khi văn bia xuất hiện nhiều vì nhu cầu ghi lại sự việc hay hoạt động của con người trong đời sống, cũng là lúc người ta bắt đầu có nhu cầu thưởng lãm, sưu tầm, tìm hiểu, bình luận, nghiên cứu về nó. Từ đó dần hình thành nên một môn học thuật nghiên cứu về văn bia.

Trong lịch sử, khoa học nghiên cứu văn bia từng được gọi với các tên: *Kim thạch học*, *bi học*, *bi khắc học*, *thạch khắc học*...

Phương pháp nghiên cứu văn bia, trải qua các đời, trong từng giai đoạn lịch sử, lại có cách luận giải và phân loại khác nhau.

Kim thạch học (金石學) là một môn khoa học nghiên cứu về văn hóa truyền thống cổ đại của Trung Quốc (xuất hiện vào đời Tống và là tiền thân của khảo cổ học), đối tượng nghiên

cứu chủ yếu của nó là đồ đồng, bia kiết, thạch khắc, văn tự khắc minh, thác bản của các triều đại trước. Nội dung nghiên cứu chủ yếu là: sưu tầm hiện vật, sao lục thác bản, khảo chứng tư liệu văn tự... Công việc nghiên cứu này đã giúp ích rất nhiều trong khảo sử và bổ sung, cải chính những thiếu sót hoặc sai lầm của sử liệu. Xét theo nghĩa rộng, đối tượng nghiên cứu của nó còn bao gồm: thẻ tre, giáp cốt, đồ ngọc, gạch ngói, bình phù, kim khí...

Bi học (碑學) là khái niệm để chỉ một hiện tượng thư pháp bắt nguồn từ thời Tống, nhấn mạnh đến tính thư pháp sử quan. Môn học này phát sinh từ *Kim thạch học*. Nội dung nghiên cứu chủ yếu là khảo văn tự thư pháp triện, lệ, khải, thảo..., thác bản chân nguy, nguồn gốc, thời đại, thể chế, phong cách... của các loại hiện vật đồ đồng, ma nhai, thạch khắc, bia khắc... Môn Bi học phát triển hưng thịnh vào giữa đời Thanh trở về sau. Vào cuối thế kỷ XIX, khi người ta phát hiện ra giáp cốt văn và văn tự trên thẻ tre, cũng đã đưa nó vào trong phạm vi nghiên cứu của bi học.

Bi khắc học (碑刻學), Thạch khắc học (石刻學) lại chuyên sâu nghiên cứu về văn bia. Đối tượng nghiên cứu của nó không chỉ đơn thuần là những tư liệu khắc trên bia đá nữa, mà là nghiên cứu cả quá trình nghiên cứu văn bia của các học giả qua các triều đại, tức là những vấn đề tri thức luận về bi khắc học từ đời Tống trở lại đây. Đối tượng nghiên cứu của nó là bia khắc, văn tự khắc trên đá, thác bản, sử liệu

liên quan đến bia khắc. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu: điền dã thực tế, đối chiếu thác bản văn bia, ảnh in với nguyên thạch, hoặc với tài liệu ghi chép trong thư tịch. Mục đích nghiên cứu là bổ sung, cải chính sử liệu... Môn học này bắt nguồn từ thời kỳ Bắc Tống và phát triển hưng thịnh vào đời Thanh, nhưng lúc đó còn nằm chung trong môn Kim thạch học. Sau khi các phương pháp luận nghiên cứu về khảo cổ học của phương Tây du nhập vào Trung Quốc thời kỳ Dân quốc, bộ môn Kim thạch học trở thành phân môn trong Khảo cổ học thì nghiên cứu về văn bia, nội dung khắc trên bia đá đã dần được tách ra với tên gọi Bi khắc học, Thạch khắc học.

Sau khi thạch khắc thời Tần xuất hiện, trong Sử ký (史記) cũng đã bổ sung ghi chép; Sau khi *thạch kinh* (石經) thời Hán được khắc thì sách *Hậu Hán thư* (后汉书), *Lạc Dương già lam ký* (洛阳伽蓝记)... cũng đã bổ sung ký tái. Thời Tần và Tây Hán, chủng loại bia không nhiều, nội dung sơ sài, ngắn gọn, lúc này chưa hình thành phương pháp luận nghiên cứu về văn bia. Sang thời Đông Hán chủng loại tương đối nhiều, chữ khắc trên bia đá nhiều hơn, nội dung phong phú đa dạng hơn. Đời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, lệnh ban ra cấm tạo tác bia, bia khắc bị hạn chế, số lượng bia ít hơn, nhưng vẫn hình thành phong cách riêng độc đáo. “Ngụy bia (魏碑) là đại diện tiêu biểu cho thời kỳ này. Giai đoạn này tuy chưa có chuyên khảo nghiên cứu sâu về văn bia, song trong một số tác

phẩm đã trình bày về văn bia và thể loại văn bia. Tác phẩm tiêu biểu là *Văn tâm điêu long* (文心雕龍) của Liu Xie (刘勰). Trong cuốn sách này, ông đã dành cả thiên 12 là *Lụy bia* (誄碑)⁽¹⁾ để nói về bia và thể loại bia, trong đó có đoạn: “周世盛德，有铭誄之文。大夫之材，临丧能誄。誄者，累也；累其德行，旌之不朽也。夏商已前，其词靡闻。周虽有誄，未被于士。又贱不誄贵，幼不誄长...读誄定谥，其节文大矣...则辞哀而韵长矣” (Thời Chu coi trọng công lao sự nghiệp và đức hạnh, nên đã sinh ra hai thể văn là *minh* và *lụy*. Một trong những tài năng của sĩ đại phu tức là khi gặp tang sự, có thể làm được *lụy văn*. *Lụy* là việc ghi chép lại đức hạnh, biểu dương công lao lúc còn sống của người chết, để lưu truyền bất hủ. Trước đời Hạ và đời Thương *lụy văn* không còn truyền lại, cho nên văn từ thể nào không rõ. Thời Chu tuy đã có *lụy văn*, nhưng chưa dùng cho sĩ đại phu, kẻ thấp hèn không được phép viết *lụy văn* cho người quý tộc, con cháu không được làm *lụy văn* cho bậc trưởng bối... Lúc đọc *lụy văn* phải đặt thụy hiệu, quá trình làm lễ diễn ra rất nghiêm cẩn. Văn từ có vần điệu và rất thống thiết, bi ai”) (Liu Xie (刘勰) 1958: 23.

Đến thời Đường, sau khi *thạch cổ văn* được khai lộ thì việc trước thuật, nghiên cứu đã đạt đến đỉnh cao. Những tác giả tiêu biểu có đề cập đến văn bia trong giai đoạn này là: Hàn Dũ (韩愈), Vi Ứng Vật (韋應物), Trương Hoài Quán (張懷瓘)... Trước đời Tống, các loại kim thạch hay bia khắc chỉ để

trưng bày, thường dành cho người yêu thích cổ vật sưu tầm về thường lãm. Cho đến thời kỳ Bắc Tống, khởi nguồn từ Ou Yangxiu (歐陽修) (1007-1072), người đã thu thập một cách quy mô, nghiên cứu có hệ thống kim thạch, bia khắc và soạn thành chuyên khảo. Từ đó nghiên cứu về văn bia đã phát triển thành một môn học thuật, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học độc lập gọi là *Kim thạch học* (金石学). Một loạt các tác giả với những tác phẩm chuyên sâu của mình về văn bia đã ra đời trong thời kỳ này: Ou Yangxiu (歐陽修) với *Tập cổ lục* (集古录), Zhao Mingcheng (趙明誠) với *Kim thạch lục* (金石录)... Theo Jin Qizhen (金其楨) (2001: 8), thống kê chưa đầy đủ, các nhà nghiên cứu *Kim thạch học* đời Tống có ít nhất là 61 người, các tác phẩm liên quan đến *Kim thạch học* có 89 loại. Trong những cuốn sách này, các tác giả đều lấy đối tượng nghiên cứu của mình là: bia hiện vật, văn tự, thạc bản văn bia, thư tịch ký tái về văn bia. Đối với nghiên cứu kim văn hay thạch khắc, văn tự học đã bổ sung những tư liệu thực chứng, có giá trị trong nghiên cứu lịch sử văn hiến dân tộc.... Hai ông (Ou Yangxiu và Zhao Mingcheng) là những tác gia tiêu biểu uyên thâm trong nghiên cứu về *Kim thạch học*. Qua đó thấy được những phương pháp và quan điểm học thuật về *Kim thạch học* đời Tống. Nghiên cứu lịch sử và đánh giá, nhận xét về kim thạch là hai nội dung chủ yếu để từ đó xây dựng lên những nguyên tắc và tiêu chuẩn mới trong

nghiên cứu học thuật. Trong *Tập cổ lục*, Ou Yangxiu đã nhận định về tính xác định thời gian trên bia đá: “世系譜牒歲久傳失，尤難考正，而碑碣皆當時所刻，理不得差” (Thế hệ phả diệp truyền qua nhiều đời đã bị mất mát, khó khảo chứng được, mà bia kệ đều là khắc lúc đương thời, nên không thể làm lẫn được) (dẫn theo Yu Minhui (余敏輝) 2006: 92).

Yu Minhui (2006: 92) khi đọc những chuyên luận này của hai ông đã nhận định: Kim thạch bia khắc có bốn tác dụng quan trọng trong nghiên cứu lịch sử: là những chứng cứ xác thực để nhìn nhận lại lịch sử; đóng góp thêm những bằng chứng trong sử liệu để xác nhận sự tồn tại của lịch sử; bổ sung những sử liệu mới phát hiện, bổ sung, cải chính những điều còn thiếu sót và sai lầm cho lịch sử; đóng góp hiệu quả trong việc gìn giữ lịch sử.

Trong giai đoạn lịch sử thuộc các triều đại Nguyên, Minh, Thanh, bộ môn khoa học *Kim thạch học* đã có thêm những bước phát triển mới trong phương pháp nghiên cứu, chủ trương tính chân xác của hiện vật, tức là cần phải sử dụng những phương pháp khoa học khác để nghiên cứu, như: phương pháp điều tra điền dã, phương pháp khảo cứu, thực nghiệm... Đặc biệt trong giai đoạn nhà Thanh, bộ môn *Khảo cứu học* phát triển, trở thành phương pháp căn bản trong nghiên cứu khoa học. “Thực sự cầu thị mới là thái độ đúng đắn trong nghiên cứu khoa học. Cái gì chưa thấy thì chưa tin, đây là ý nghĩa của

khảo cứu học và nó áp dụng trong *Kim thạch học*" (Ge Rongjin (葛荣晋) 1992: 64). Ở đời Thanh các tư liệu kim thạch, minh khắc đã có thể chứng minh được những tương đồng dị biệt trong kinh điển, chứng minh những sai lầm trong sử sách, bổ sung những thiếu sót cho sử tịch, khảo sát những biến thiên trong văn tự, và được giới học thuật đương đại nhìn nhận. Các phương pháp vận dụng cho *Khảo cứu học* có thể kể đến như: phương pháp phân tích, quy nạp, diễn dịch... Nó không chỉ dùng cho nghiên cứu kim thạch mà còn dùng trong nghiên cứu các phương diện khác như: Kinh học, sử học, địa lý, âm vận, hiệu khám, mục lục học... và đều đạt được những thành tựu to lớn.

Giai đoạn này xuất hiện trào lưu nghiên cứu *Kim thạch học*, những trước tác về khái luận nghiên cứu, thông soạn, mục lục... đều rất có giá trị. Tác giả Wu Shifen (吴式芬) trong *Quán cổ lục* (攬古录) đã thu thập hơn 18.000 loại bia mục từ Hạ Thương Chu tam đại đến đời Nguyên, bao gồm 20 tập, là cuốn mục lục phong phú nhất từ trước tới nay. Tác giả Qian Dating (钱大昕) với *Tiền nghiên đường kim thạch văn tự bạt vĩ* (潜研堂金石文字跋尾), đã khảo đính rất kỹ lưỡng, tường tận về kim thạch văn tự, là một trước tác tốt nhất về *Kim thạch học* đương thời. Tác giả Wang Chang (王昶) với *Kim thạch tụy biên* (金石萃编), thu thập hơn 1.500 loại kim thạch từ ba đời Nguyên, Minh, Thanh trở lại đây, bao gồm: tập mục lục, minh văn

và bạt vĩ (bạt văn), tất cả đều biên soạn trong một cuốn sách. Có thể nói đó là một tập đại thành về *Kim thạch học*. Tác giả Ye Changxi (叶昌炽) với *Ngữ thạch* (语石), là tác phẩm tiêu biểu về khái luận *Kim thạch học* đương thời. Từ giai đoạn cận hiện đại đến nay, việc nghiên cứu, tìm tòi về phương diện nào cũng đạt được những thành tựu rất lớn. Về thu thập tư liệu có *Bắc Kinh đồ thư quán tàng Trung Quốc lịch đại thạch khắc thác bản vụng biên* (北京图书馆藏中国历代石刻拓本汇编); về giám định thác bản có *Tăng bổ hiệu bi tùy bút* (增补校碑随笔); về giới thiệu thạch khắc có *Thạch khắc tự lục* (石刻叙录), *Tây An bi lâm thư pháp nghệ thuật* (西安碑林书法艺术)... Chuyên sâu nghiên cứu trong một khía cạnh nào đó có *Vân Nam cổ đại thạch khắc tùng khảo* (云南古代石刻丛考), *Thạch môn ma nhai khắc thạch nghiên cứu* (石门摩崖刻石研究)... Những thành tựu nổi bật của họ đã được giới học thuật công nhận.

2.2. Nghiên cứu văn bia ở Việt Nam

Nghiên cứu về văn bia ở Việt Nam đã có từ lâu trong lịch sử, nhưng chủ yếu dừng lại ở công việc sưu tầm, sao lục. Mấy chục năm trở lại đây văn bia đã được nghiên cứu có hệ thống hơn, nhiều công trình nghiên cứu về văn bia ra đời. Từ *Bi ký học* đã trở nên quen thuộc và nó dần trở thành một phân môn khoa học quan trọng trong ngành Hán Nôm học. Một số phương pháp nghiên cứu cơ bản trong Hán Nôm học, cũng là những phương pháp nghiên cứu trong văn bia của Việt

Nam, bao gồm: văn bản học, văn tịch học, văn tự học. Trong văn bản học Hán Nôm có những thao tác cụ thể như: biện ngụy, hiệu chính, huấn hõ, cú điệu... Gần đây, một phương pháp luận nghiên cứu mới đang được một số nhà nghiên cứu Hán Nôm tiếp cận, đó là Thuyên thích học (hay còn gọi là Thông diễn học). Thuyên thích học cung cấp thêm những lý luận cơ bản về cách thức để hiểu văn bản, khơi dậy trong văn bản những nội dung có ý nghĩa và có giá trị. Phương pháp điền dã, sưu tầm gần đây cũng đã được chú trọng hơn trong nghiên cứu văn bia... Trong các công trình và những bài viết gần đây, nghiên cứu về văn bia không dừng lại ở nghiên cứu văn tự, nội dung bia, mà đối tượng nghiên cứu đã được mở rộng, từ công việc sưu tầm, sao lục, dịch chú đến thể loại, chất liệu, nghệ thuật trang trí, người soạn bia... Tiêu biểu có thể kể đến các nghiên cứu như: Trần Văn Giáp với *Văn bia Việt Nam* (1969); Nguyễn Quang Hồng với *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam* (1993); Trịnh Khắc Mạnh với *Một số vấn đề về văn bia Việt Nam* (2008), *Bi ký học và văn bản bi ký Hán Nôm Việt Nam* (2013); *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*; Nguyễn Văn Nguyên với *Khảo sát giám định niên đại thác bản văn bia* (2007)...

Tuy nhiên, có thể thấy sự phát triển của văn bia gắn liền với sự phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển thì nội dung và hình thức của văn bia càng phong phú đa dạng. Nếu có một cuộc khảo sát toàn diện, sẽ thấy được

những nội dung được khắc trên bia đá bao quát mọi mặt trong đời sống từ chính trị, quân sự, pháp chế, tôn giáo, văn tự, văn học, ngôn ngữ, giáo dục, lịch sử, khoa cử, kinh tế, khoa học kỹ thuật, địa lý, thành trì, đường xá, kiến trúc, thủy lợi, thủy văn, thiên văn, lịch pháp, quan hệ dân tộc, giao lưu quốc tế, gia tộc thân thích, giao thông cầu đường, bảo vệ môi trường, danh thắng cổ tích, phong tục tập quán, thần tiên ma quái, cách mạng nhân dân... Chính vì nội dung bao quát nhiều vấn đề như vậy nên nghiên cứu về văn bia nên được tiếp cận dưới góc độ khoa học liên ngành kết hợp phương pháp nghiên cứu và thành tựu nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau để giải quyết những mục tiêu nghiên cứu cụ thể đặt ra.

3 TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH TRONG BI KÝ HỌC

a) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ kinh tế học, chính trị học

Trong *Đại gia tộc bia* có một bộ phận không nhỏ văn bia có nội dung phản ánh tình hình chính trị, kinh tế của một giai đoạn thời kỳ nào đó trong lịch sử. Nội dung văn bia có yếu tố chính trị, hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp đề cập đến vấn đề đấu tranh quân sự, tổ chức chính quyền, vấn đề nhà nước, mâu thuẫn xã hội, tổ chức xã hội, hay ca ngợi vai trò của Nho giáo, của người quân chủ trong đời sống chính trị xã hội...; nội dung văn bia có yếu tố kinh tế thường đề cập đến vấn đề giao thông, cầu đường, giao thương buôn bán, trùng tu, sửa chữa... Đó

đều là những tư liệu quan trọng, hỗ trợ đắc lực trong nghiên cứu lịch sử chính trị và lịch sử kinh tế. Văn bia, ngoài việc là những tư liệu quan trọng cung cấp, phục vụ cho các ngành khoa học khác thì bản thân nó là đối tượng nghiên cứu cần vận dụng kiến thức, phương pháp của nhiều ngành khoa học khác để nghiên cứu toàn diện về văn bia, nhằm đạt được một nghiên cứu hoàn chỉnh, có giá trị cả về nội dung và học thuật. Đối với mảng văn bia này, có thể vận dụng những phương pháp khoa học trong *kinh tế chính trị học* để áp dụng nghiên cứu. Một phương pháp cơ bản đó là phương pháp lấy xã hội, nhà nước làm trung tâm, sự phát triển của lịch sử xã hội loài người được tiếp cận từ phương diện nhà nước. Qua những vấn đề chung nhất về lý luận và thực tiễn cho thấy nhà nước có quá trình phát sinh, phát triển và tồn tại trên những cơ sở kinh tế và xã hội nhất định. Việc nghiên cứu văn bia dưới góc độ kinh tế học, chính trị học sẽ góp phần quan trọng trong nghiên cứu những vấn đề lịch sử kinh tế, chính trị của một đất nước hay một cộng đồng.

b) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ sử học, văn hóa học

Một mảng không nhỏ nội dung văn bia thường đề cập đến các sự kiện lịch sử, lịch sử nhân vật, địa lý... Đó là những tư liệu quý, đáng tin cậy, những tài liệu phong phú, chân thực giúp bổ sung hay cải chính những thiếu sót hay sai lầm khi nghiên cứu lịch sử. Loại văn bia ký tái nội dung có liên

quan đến thiên văn, lễ chế, giáo dục, lịch pháp, quan chức, phong tục... đều chỉ ra một cách toàn diện những hoạt động văn hóa cổ xưa, phản ánh cụ thể sự phồn vinh, phát triển và xây dựng văn hóa của xã hội. Trong bài viết *Vài suy nghĩ về việc đào tạo cử nhân Hán Nôm*, Cao Tự Thanh chỉ ra: “Hán Nôm là một hệ thống văn hóa, và ngành Hán Nôm là một loại văn hóa học, một khoa học liên ngành giàu tính thực tiễn có đối tượng nghiên cứu là văn hóa chữ Hán cổ mà trước hết là văn hóa cổ Việt Nam” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm 2002: 220-221). Văn bia chữ Hán, Nôm có nội dung văn hóa đã cung cấp nhiều tư liệu quý cho nghiên cứu văn hóa của các triều đại trong lịch sử.

Không chỉ là một hiện vật di sản văn hóa, văn bia còn là một nguồn sử liệu chữ Hán, chữ Nôm vô cùng phong phú. Có thể nói ngành gần nhất với Hán Nôm học chính là sử học. Đã có nhiều nhà nghiên cứu sử học vận dụng phương pháp luận của ngành Hán Nôm để nghiên cứu sử học, hay ngược lại, vận dụng phương pháp luận của sử học để nghiên cứu Hán Nôm. Hà Văn Tấn trong bài viết *Về mối liên hệ giữa văn bản học và sử liệu học* đã cho rằng: “Mặc dầu đó là vấn đề thuần túy lý thuyết, nhưng tôi nghĩ rằng nếu mối liên hệ đó được làm sáng tỏ thì những người làm công tác nghiên cứu văn bản Hán Nôm và những người làm công tác sử học càng hiểu biết nhau hơn, thấy rõ những mối liên hệ chặt chẽ trong công việc của hai bên mà xác định một phương thức hợp tác có

hiệu quả” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm 1983: 101). Đồng thời, ông cũng chỉ ra đây là sự phối kết hợp cần thiết và có lợi cho cả hai ngành khoa học. Trong quá trình phê phán sử liệu Hán Nôm, các nhà sử học có thể đi tới một số kết luận có ích cho phương pháp sử liệu học, mà cũng có ích cho phương pháp văn bản học Hán Nôm. Hoặc người làm Hán Nôm có thể sử dụng phương pháp sử liệu học của sử học để vận dụng trong nghiên cứu của mình. Như vậy, công trình khoa học càng có giá trị học thuật và ý nghĩa khoa học.

c) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ dân tộc học, tôn giáo học

Nhiều tư liệu văn bia có nội dung liên quan đến dân tộc học và tôn giáo học. Dân tộc học chuyên nghiên cứu về các tộc người, mà nội dung văn bia cũng đề cập đến các dân tộc khác nhau, như người Việt, người Hoa và các dân tộc thiểu số khác. Hệ thống văn bia của người Hoa trong các hội quán đề cập tới nhiều vấn đề: di dân, tôn giáo, tín ngưỡng, kinh tế, văn hóa, xã hội... Văn bia có nội dung về các dân tộc ở Việt Nam sẽ trợ giúp cho việc đi sâu nghiên cứu về ngôn ngữ, lịch sử của từng dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc với nhau.

Vấn đề tôn giáo phản ánh trên bia cũng đã được nhiều nhà khoa học tiếp cận nghiên cứu. Nội dung đề cập đến tôn giáo bao gồm: văn bia về học phái, kinh điển, giáo lý, nhân vật, trùng tu chùa chiền, gửi hậu,... đặc biệt là văn bia tạo tượng và đề ký đã phản ánh được những nội dung cụ thể về sự

truyền bá tôn giáo tín ngưỡng lúc đương thời hay các tổ chức tôn giáo. Đây là những tư liệu tham khảo quan trọng không thể thiếu trong nghiên cứu về tôn giáo. Chẳng hạn, những văn bia có ký tải tình hình truyền thụ kinh Phật hay kinh điển Nho gia đều có giá trị quan trọng trong nghiên cứu tình hình truyền bá và vai trò của Phật giáo hay Nho giáo trong từng thời kỳ. Một phương pháp trong nghiên cứu tôn giáo mà người nghiên cứu Hán Nôm có thể vận dụng là phương pháp xem xét tôn giáo xuất phát từ nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo. Những nhu cầu này có thể đo lường tương đối qua số lượng và nội dung các văn bia. Việc xem xét nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo sẽ cho thấy sự ra đời, tồn tại của tôn giáo trong mối quan hệ với hoạt động và lợi ích của con người.

d) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ văn học, ngôn ngữ văn tự học

Phương pháp nghiên cứu văn học là những phương pháp gần cần vận dụng khi nghiên cứu về Hán Nôm học nói chung và bi ký học nói riêng. Các thể loại văn học trong văn bia rất phong phú, hình thức nội dung đa dạng. Tư liệu văn bia cũng có giá trị rất lớn trong nghiên cứu các thể loại văn học, hay chuyên sâu về tác giả tác phẩm và văn học sử. Tác giả Nguyễn Huệ Chi đã xếp văn bia vào thể loại truyện (Viện Văn học 1977: 183). Hay nói như tác giả Ríptin trong *Truyền thống và cách tân trong nền văn học các nước Đông Nam Á* thì “Những bài văn bia đã đánh dấu bước

đi ban đầu của văn học thành văn” (Dẫn theo Trịnh Khắc Mạnh, 1993: 152). Trong văn bia có nhiều bài văn, bài thơ là những câu chuyện tiểu sử về một nhân vật nào đó, hoặc chuyển tải những thông tin về những con người nổi tiếng... mang ý nghĩa văn học. Đối với thể loại văn xuôi tiểu sử, Trịnh Khắc Mạnh cho rằng (2008: 156): “Tiếp nhận lý luận thể loại văn học để nghiên cứu các bài văn bia thời kỳ Lý Trần, có thể đưa ra nhận xét rằng: qua đó, chúng ta thấy, sự bắt đầu của văn bia ở Việt Nam là thể văn xuôi tiểu sử (tiểu truyện), loại văn công đức tụng thường thấy ở các nước trong khối đồng văn sử dụng chữ tượng hình. Nhiều bài văn bia đã thể hiện phong cách thể loại đặc biệt của nền văn học tiểu sử truyền thống văn hóa vùng”. Ngoài ra có nhiều thể loại văn học khác như: thơ ca chữ Hán, chữ Nôm, các thể công văn thư tín, các thể ký, truyện văn xuôi ca ngợi phong cảnh quê hương đất nước cũng đều được khắc ghi ở trên bia đá hay vách đá. Điều đó thêm khẳng định nghiên cứu về văn bia không thể không đặt dưới góc độ tiếp cận nghiên cứu văn học về mặt thể loại cũng như về mặt nội dung.

Ở phương diện ngôn ngữ văn tự, tư liệu văn bia có giá trị nghiên cứu không gì có thể thay thế được, đặc biệt trong các lĩnh vực nghiên cứu văn tự học, âm vận và từ vựng. Văn tự khắc trên bia đa phần cô đọng, điển nhã, nhưng cũng không ít văn bia nội dung khắc đơn giản với giọng văn

khẩu ngữ, bình dân. Cũng chính vì vậy nên tư liệu văn bia cũng là tài liệu quan trọng trong nghiên cứu ngôn ngữ, âm vận, nghiên cứu lịch sử ngữ âm văn tự Hán Nôm, nghiên cứu sự chuyển biến, sử dụng ngôn ngữ trong từng giai đoạn. Các tư liệu phong phú về tự thể và tự hình đều có giá trị quan trọng đối với việc nghiên cứu, tìm hiểu, khảo sát những diện mạo cơ bản, những quy luật, đặc điểm, quá trình diễn biến và phát triển của văn tự. Chính lý và nghiên cứu tự dạng Hán tự, Nôm tự trên văn bia qua các triều đại sẽ cung cấp những tài liệu cụ thể và những căn cứ lý luận khoa học chân xác về ngôn ngữ văn tự qua từng thời kỳ trong lịch sử.

e) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ khảo cổ học

Bản thân bia đá là một hiện vật bảo tàng, nên việc nghiên cứu về nó cũng gắn với khoa học về khảo cổ. Không phải trên tấm bia nào cũng ghi rõ niên đại hay cho biết nó ra đời trong giai đoạn lịch sử nào, để nghiên cứu tìm hiểu nó ra đời trong thời kỳ nào cũng phải vận dụng một số phương pháp nghiên cứu của Khảo cổ học. Chẳng hạn, phương pháp xác định niên đại tương đối; phương pháp nhân chủng học; phương pháp phân tích thạch học. Phương pháp xác định niên đại bằng cách thông qua việc xác định hàm lượng cacbon đối với các chất hữu cơ trên bia đá để xác định niên đại. Phương pháp phân tích học là phương pháp phân tích các thành phần trong các công cụ bằng đá để

xác định niên đại và đưa ra những so sánh có ích áp dụng trong nhiều ngành khoa học khác nhau. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển, con người đã có thể vận dụng những phương pháp khoa học mới để phân tích, chứng minh hiện vật đó ra đời trong thời kỳ nào, từ đó tìm hiểu một cách thấu đáo hơn về đời sống văn hóa, xã hội của loài người trong từng thời kỳ lịch sử.

g) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ triết học

Chúng ta cũng biết, văn bia chuyển tải dung lượng lớn thông tin về tư tưởng triết học, vì vậy khi nghiên cứu về văn bia cũng cần tiếp cận dưới góc độ triết học. Bản thân triết học là khoa học về các quy luật chung nhất của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy con người. Nó là lý luận về hệ thống các phương pháp, nên bất kể một ngành khoa học nào cũng vận dụng trong nghiên cứu của mình. Qua khảo cứu cho thấy nhiều bài văn bia nói về triết lý, tư tưởng của Nho, Phật, Đạo. Đây vốn là tư tưởng triết học phương Đông gắn với chính trị xã hội và đạo đức con người trong nhiều thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu tìm hiểu về điều đó chúng ta thấy được suy nghĩ, nhận thức, tư tưởng con người Việt Nam trong đời sống xã hội, hay sự thăng trầm và vai trò của các tư tưởng Nho, Phật, Đạo qua từng thời kỳ. Trần Trọng Dương trong *Hán Nôm học - khoa học liên ngành để phát triển đất nước* đã nhận định: “Từ những nghiên cứu toàn diện về lịch sử tư tưởng, lịch

sử triết học đó, chúng ta sẽ có những tư duy hợp lý để điều chỉnh và đóng góp thêm những giá trị vững bền cho minh triết Việt Nam và những tư tưởng có giá trị cho công cuộc xây dựng đời sống tâm linh, đời sống văn hóa, đời sống tinh thần của con người Việt Nam hiện đại, góp phần xây dựng đất nước nhân văn hơn, nhân bản hơn”, ngày một giàu mạnh hơn (Trần Trọng Dương 2016).

h) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ khoa học, kỹ thuật, giáo dục

Một số văn bia có nội dung đề cập đến khoa học kỹ thuật thời xưa, những tư liệu đó cho thấy những đột phá trong khoa học kỹ thuật, nó là những chứng cứ xác thực trong phát triển khoa học kỹ thuật của Việt Nam. Nội dung các văn bia này thường đề cập đến việc: xây dựng cầu đường, thành trì, cung điện, đắp đê, đào sông... đó là những tư liệu quan trọng trong lịch sử xây dựng, thủy lợi, kiến trúc của ông cha ta; cũng có nhiều tài liệu bia khắc về những hiệp hội y học, những bài thuốc cổ truyền trong y học, đều là những tư liệu lịch sử về y dược học rất quan trọng. Văn bia có nội dung về giáo dục của các triều đại cũng rất phong phú, có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu, khảo sát tình hình phát triển giáo dục trong thời kỳ phong kiến, như: phương pháp giáo dục, chế độ giáo dục, tuyển chọn nhân tài, bồi dưỡng nhân tài, chế độ khoa cử... Từ đó thấy rõ hơn về đời sống văn hóa giáo dục của Việt Nam trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau.

i) Nghiên cứu văn bia dưới góc độ mỹ thuật, kiến trúc, điêu khắc

Về mặt hình thức, văn bia cũng cho thấy sự cần thiết tiếp cận khoa học liên ngành trong nghiên cứu. Mỗi văn bia đều có kích thước, cách trang trí hội họa, đồ họa khác nhau, qua mỗi thời kỳ lại được tạo dựng, khắc chạm khác nhau. Để nghiên cứu về vấn đề này đòi hỏi nhà nghiên cứu phải nắm rõ kiến thức về kiến trúc, nghệ thuật. Theo Trịnh Khắc Mạnh (2008: 54-55): “Đây là một vấn đề hết sức phức tạp, không những đòi hỏi tri thức Hán Nôm mà còn phải am hiểu sâu sắc về lịch sử mỹ thuật Việt Nam... Theo chúng tôi biết, thì chưa có một đề tài hay công trình nào đi sâu phân tích những vấn đề chung và nét riêng nghệ thuật trang trí hội họa Việt Nam trên bia đá của các thời kỳ lịch sử, từ thời Lý (thế kỷ XI) đến hết thời Nguyễn (đầu thế kỷ XX)”. Có thể nói, khi tiếp cận văn bia hiện vật, yếu tố đầu tiên nhìn thấy là hình vẽ trang trí nghệ thuật trên bia. Đó là những tư liệu quý giá khi tìm hiểu về lịch sử điêu khắc và thư pháp qua các thời kỳ. Việc tìm hiểu cụ thể những đặc điểm riêng về nghệ thuật và nêu nên ý nghĩa khoa học của văn bia là điều hết sức quan trọng. Vì vậy, những nhà nghiên cứu văn bia Hán Nôm, trong một công trình Hán Nôm tầm cỡ, phải có sự am hiểu sâu sắc về nghệ thuật hội họa, điêu khắc, kiến trúc để nêu bật được những đặc điểm chung và riêng về nghệ thuật trang trí hội họa của từng bia trong từng thời kỳ. Nếu không, cũng phải có những chuyên gia đầu ngành về nghệ thuật

điêu khắc, kiến trúc cùng phối kết hợp để đạt đến hiệu quả của công việc, hay nói cách khác là đạt tới tính khoa học hoàn bị cho một công trình nghiên cứu. Văn bia điêu khắc hội họa, hình tượng là những tư liệu quý trong nghiên cứu lịch sử quá trình phát triển nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc qua các thời kỳ của ông cha.

4. THAY LỜI KẾT

Khái niệm khoa học liên ngành ở Việt Nam ra đời tương đối muộn, nên việc vận dụng trong nghiên cứu khoa học còn gặp nhiều khó khăn. Để phát triển và làm tốt nghiên cứu khoa học liên ngành đòi hỏi mỗi chúng ta phải trau dồi cho mình tri thức khoa học, phương pháp luận nghiên cứu, những thao tác kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học... Nghiên cứu khoa học liên ngành là cuộc cách mạng và thách thức đối với khoa học truyền thống (hay khoa học độc lập). Đây là bước đột phá có tính thực chất trong sự thay đổi, nhận thức tự nhiên của con người, là xu thế tất nhiên trong sự phát triển khoa học và kỹ thuật tiên bộ, nó ảnh hưởng sâu sắc đến sự sản sinh khoa học và kỹ thuật trong tương lai. Nghiên cứu đa ngành và liên ngành là hướng nghiên cứu đã và đang được hình thành và khẳng định trong nghiên cứu khoa học ở các nước trên thế giới và Việt Nam. Hướng nghiên cứu này đã mang lại những giá trị to lớn trên nhiều phương diện, đánh dấu bước phát triển mới của khoa học nói riêng và góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển xã hội nói chung.

Đối với nghiên cứu văn bia Hán Nôm từ hướng tiếp cận nghiên cứu liên ngành, có thể nói tư liệu văn bia đã trở thành một bộ phận ký tái văn hóa văn minh muôn hình vạn trạng về đời sống con người trong xã hội. Đối với di sản văn hóa truyền thống này, mỗi chúng ta ai nấy đều có trách nhiệm giữ gìn, bồi đắp và kế thừa. Tìm hiểu nghiên cứu về văn bia, chúng ta có thể mổ xẻ phân tích những giá trị, tác

dụng, công năng, nội hàm nhân văn phong phú có trong văn bia dưới góc độ tiếp cận nghiên cứu khoa học liên ngành. Việc chỉnh lý, nghiên cứu văn bia cũng cần có những phương pháp nghiên cứu hiệu quả, nắm chắc tư liệu, tăng cường xây dựng lý luận khoa học, từ đó mới có thể phát huy đầy đủ giá trị nghiên cứu và giá trị học thuật của văn bia. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Luy bia* (誄碑) là một thể văn kể công trạng, đức hạnh của người chết để phong tước, xưng hiệu.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đào Duy Anh. 1996. *Từ điển Hán Việt*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Jin Qizhen. 2001. *Trung Quốc văn hóa bi*. Trung Quốc: Trùng Khánh xuất bản xã (金其桢:《中国文化碑》。中国, 重庆出版社, 2001).
3. Lei Feihong (chủ biên). 2000. *Từ Nguyên*. Đài Loan: Thế Nhất Văn hóa sự nghiệp hữu hạn công ty xuất bản (雷飛鴻主編. 辭源. 臺灣, 世一文化事業有限公司 出版, 2000).
4. Liu Xie. 1958. *Văn tâm điêu long*. Trung Quốc: Nhân dân Văn học xuất bản xã (刘勰:《文心雕龍》。中国, 人民文学出版社, 1958).
5. Nguyễn Kim Hưng. 1983. *Từ điển văn học*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Tôn Nhan. 1999. *Từ điển văn học cổ điển Trung Quốc*. TPHCM: Nxb. Văn nghệ TPHCM.
7. Trần Trọng Dương. *Hán Nôm học: khoa học liên ngành và đa ngành*. Trần Trọng Dương. *Hán Nôm học: khoa học liên ngành và đa ngành*. <http://trantrongduong.blogspot.com/search?q=H%C3%A1n+N%C3%B4m+h%E1%BB%8Dc%3A+Khoa+h%E1%BB%8Dc+li%C3%AA+n+ng%C3%A0nh+v%C3%A0+%C4%91a+ng%C3%A0nh>.
8. Trịnh Khắc Mạnh. 1993. “Đặc điểm thể loại văn bia Việt Nam”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 4.
9. Trịnh Khắc Mạnh. 2008. *Một số vấn đề văn bia Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. 1983. *Một số vấn đề văn bản học Hán Nôm*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
11. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. 2002. *Những vấn đề về Hán Nôm học*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Viện Văn học. 1977. *Thơ văn Lý Trần*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

13. Ye Changxi. 1986. *Ngữ thạch*. Trung Quốc, Thượng Hải Tân Hoa thư điểm (叶昌炽: 《语石》. 上海新华书店. 1986).
14. Yu Minhui. 2006. “Tổng đại kim thạch học đích song bích - Tập cổ lục kim thạch lục bỉ giao luận”. *Từ Châu Sư phạm đại học học báo*, quyển 32, kỳ 1 (余敏辉: 《宋代金石學的雙璧—集古錄金石錄比較論》. 徐州師範大學學報, 32 卷 1 期 2006).
15. Zhang Yushu, Chen Tingjing biên soạn. 1999. *Khang Hy tự điển*. Đài Loan, Tường Thụy văn hóa sự nghiệp hữu hạn công ty xuất bản (張玉書, 陳庭敬. 康熙字典. 臺灣, 祥瑞文化事業有限公司 出版, 1999).
16. Zhao Xiru (chủ biên). 2000. *Từ Hải*. Đài Loan, Lục Thống mậu dịch hữu hạn công ty xuất bản (趙錫如主編. 辭海. 臺灣, 六統貿易有限公司 出版, 2000).